

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 331/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21/9/2023.

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con, tài sản chung, nợ chung”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phùng Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Thanh.

2. Ông Lưu Văn Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Mai – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 113/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023, về việc: “Tranh chấp ly hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 66/2023/QĐHPT-DS ngày 06 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tường V, sinh năm: 1982.

Trú tại: Số nhà 665/4 Phan Châu Trinh, tp T, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: Ông Phạm Kim T, sinh năm: 1979

Trú tại: Đội 4, thôn Q, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng TMCP P

Địa chỉ: Số 41 (Tầng trệt, tầng lửng, tầng 1, tầng 2 của tòa nhà) và số 45 Lê Duẩn, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị Thu T1, sinh năm: 1981.

Chức vụ: Phó giám đốc RB Chi nhánh Quảng Nam – Ngân hàng TMCP P.

Địa chỉ: Lô 41-42 đường N10 nối dài, khu TT Thương Mại, phường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

(Bà V có mặt; ông T vắng mặt, bà T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo nguyên đơn, Bà Nguyễn Thị Tường V trình bày: Bà V và Ông Phạm Kim T tự nguyện tìm hiểu và đến với nhau thành vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T vào năm 2006. Sau khi cưới vợ chồng bà sống hạnh phúc thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T thường xuyên bài bạc, nợ nần Bà V đã nhiều lần gửi đơn ly hôn nhưng vì các con còn nhỏ nên Bà V đã rút đơn. Vợ chồng bà từ trước đến nay thường xuyên mâu thuẫn cãi vã nhau. Nay Bà V xét thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa, cuộc sống chung không thể kéo dài nên bà yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà V khai vợ chồng bà có 02 con chung tên là: Phạm Nguyễn Kim N, sinh ngày 20/8/2006 và Phạm Thị Mỹ D, sinh ngày: 10/02/2016.

Nếu ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi các con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tại đơn yêu cầu ly hôn Bà V yêu cầu để vợ chồng bà tự giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết ông T yêu cầu giải quyết tài sản chung thì Bà V không ý kiến.

- Về nợ chung: Theo Bà V khai là khoản nợ vợ chồng bà vay Ngân hàng bà vẫn trả lãi và gốc đều và đúng hạn. Nhưng ông T muốn giải quyết thì bà cũng không có ý kiến gì. Vì từ trước đến nay bà vẫn trả nợ cho Ngân hàng.

- Về cho mượn nợ: Không có.

* Bị đơn, Ông Phạm Kim T trình bày tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 06/6/2023: Ông T thống nhất hoàn cảnh kết hôn và thời gian kết hôn như Bà V trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì vợ chồng ông có mâu thuẫn nhau. Hiện nay ông vẫn còn thương yêu vợ và các con nên ông không muốn ly hôn. Ông yêu cầu Tòa án cho vợ chồng đoàn tụ làm ăn nuôi con.

- Về con chung: Ông T xác định vợ chồng ông có 02 con chung tên là: Phạm Nguyễn Kim N, sinh ngày 20/8/2006 và Phạm Thị Mỹ D, sinh ngày: 10/02/2016.

Nếu ly hôn ông yêu cầu được nuôi cháu Duyên và không yêu cầu vợ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng ông có căn nhà cấp 4 tại Số nhà 665/4 Phan Châu Trinh, phường H, tp T, tỉnh Quảng Nam. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung trong nhà và căn nhà chung (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay đang thế chấp tại Ngân hàng OCB Chi nhánh Tam Kỳ, Quảng Nam) nếu ai nhận nhà thì người đó có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Ông không rõ số tiền nợ Ngân hàng.

- Về nợ chung: Vợ chồng ông có nợ Ngân hàng OCB Thành phố T số tiền bao nhiêu ông không rõ.

- Về cho mượn nợ: Không có.

* Bà Phan Thị Thu T1 đại diện theo ủy quyền Ngân hàng TMCP P - Chi nhánh Quảng Nam trình bày: Vợ chồng Bà Nguyễn Thị Tường V và Ông Phạm Kim T có vay của Ngân hàng TMCP P số tiền 830.000.000 đồng tại hợp đồng tín dụng số 0182/2021/HĐTD-OCB-CN ngày 25/8/2021. Thời hạn 240 tháng. Hình thức vay thế

chấp là bất động sản của vợ chồng Bà V ông T, tại: Khu phố Hồng Lư, phường H, thành phố T, tại giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất ở và sở hữu nhà ở số DC 013669 do Sở TN&MT tỉnh Quảng Nam cấp ngày 20/8/2021. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0182/2021/BĐ ngày 25/8/2021.

Tính đến ngày 15/9/2023, Bà V ông T còn nợ số tiền 743.500.000đồng và lãi 1.283.301 đồng. Hiện nay thời hạn vay vẫn còn nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn và người liên quan trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật. Bị đơn vắng mặt tại phiên hòa giải và các phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Tường V. Bà V được ly hôn với ông T. Về con chung đề nghị giao các con chung cho Bà V trực tiếp nuôi dưỡng. Bà V không yêu cầu cấp dưỡng nên không xét. Về tài sản chung: Đề nghị HĐXX đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông T về việc chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Đương sự có quyền khởi kiện thành một vụ án khi có yêu cầu. Về nợ chung: Buộc Bà Nguyễn Thị Tường V và Ông Phạm Kim T tiếp tục trả nợ gốc số tiền 743.500.000đồng (Bảy trăm bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) và lãi 1.283.301 đồng (Một triệu hai trăm tám mươi ba nghìn ba trăm lẻ một đồng) tính đến ngày 15/9/2023 cho Ngân hàng TMCP P – Chi nhánh Quảng Nam. Lãi suất được tính theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng. Về cho mượn nợ: Công nhận sự thống nhất của đương sự không cho ai mượn nợ nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ lời trình bày của đương sự tại phiên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, tài sản chung là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có bị đơn Ông Phạm Kim T cư trú tại huyện T, tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn Ông Phạm Kim T đã được Tòa án hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên hòa giải và tại các phiên tòa. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ Luật tố Tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa Bà Nguyễn Thị Tường V và Ông Phạm Kim T có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T tại Giấy chứng nhận kết hôn số 29, quyền số 1/2006 ngày 15/5/2006. Do vậy, xác định Bà Nguyễn Thị Tường V và Ông Phạm Kim T là vợ chồng hợp pháp. Theo Bà V và ông T đều thừa nhận vợ chồng ông bà mâu thuẫn nhau và cuộc sống chung không hạnh phúc. Tòa án đã tạo điều kiện tiến hành hòa giải nhiều lần cho các bên đoàn tụ chung

sống bên nhau nhưng bị đơn ông T không đến nên không đạt được. Bà V vẫn kiên quyết yêu cầu giải quyết ly hôn. Hội đồng xét xử thấy các bên đương sự không thật sự mong muốn sống bên nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có kéo dài thì cuộc sống hôn nhân cũng không có hạnh phúc, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà Nguyễn Thị Tường V. Ông Nguyễn Thị Tường Vi được ly hôn với Ông Phạm Kim T.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng Bà V ông T thống nhất vợ chồng ông bà có 02 người con chung tên là: Phạm Nguyễn Kim N, sinh ngày 20/8/2006 và Phạm Thị Mỹ D, sinh ngày: 10/02/2016.

[3.1] Về nuôi con: Bà V có nguyện vọng được nuôi các con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Tại biên bản hòa giải ngày 06/6/2023 ông T muốn được nuôi cháu Duyên nhưng những lần hòa giải sau đó ông T đều không đến. Nguyện vọng của các cháu Nhân và Duyên đều mong muốn được sống với Bà V. Hiện nay các cháu Nhân và Duyên đều sống với Bà V ổn định. Ngoài ra ông T cũng thực sự không mong muốn được trực tiếp nuôi con. Để đảm bảo quyền lợi của các cháu và không thay đổi môi trường sống của các con. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao các cháu Phạm Nguyễn Kim N, sinh ngày 20/8/2006 và Phạm Thị Mỹ D, sinh ngày: 10/02/2016 cho Bà V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu Nhân và Duyên đủ 18 tuổi, trưởng thành.

[3.2] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà V không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ:

[4.1] Về tài sản chung: Tại đơn yêu cầu ly hôn Bà V yêu cầu để vợ chồng bà tự giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 06/6/2023 ông T yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là căn nhà và đất tại: Số nhà 665/4 Phan Châu Trinh, phường H, tp T, tỉnh Quảng Nam. Tòa án đã tổng đạt cho ông T Thông báo nộp tạm ứng chi phí tố tụng nhưng ông T không nộp và nhiều lần không đến Tòa nhằm xác định cụ thể về yêu cầu chia tài sản chung của ông T. Do vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ việc giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng Bà V và ông T. Đương sự có quyền khởi kiện thành một vụ án khi có yêu cầu.

[4.2] Về nợ chung: Căn cứ vào các chứng cứ đã thu thập xác định vợ chồng Bà Nguyễn Thị Tường V và Ông Phạm Kim T trong thời kỳ hôn nhân có vay của Ngân hàng TMCP P số tiền 830.000.000 đồng tại hợp đồng tín dụng số 0182/2021/HĐTD-OCB-CN ngày 25/8/2021. Thời hạn 240 tháng. Hình thức vay thế chấp là bất động sản của vợ chồng Bà V ông T. Tính đến ngày 15/9/2023, Bà V ông T còn nợ số tiền 743.500.000 đồng và lãi 1.283.301 đồng. Trong quá trình vay Bà V thực hiện trả lãi và gốc đúng hạn. Hiện nay thời hạn vay vẫn còn nên buộc Bà V và ông T tiếp tục trả nợ gốc cho Ngân hàng TMCP P - Chi nhánh Quảng Nam. Lãi suất được tính theo hợp đồng đang thực hiện.

[4.3] Về cho mượn nợ: Bà V ông T thống nhất không cho ai mượn nợ nên không xét.

[5] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm Bà Nguyễn Thị Tường V phải chịu số tiền: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được tính trừ vào số tiền: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà Bà V đã nộp theo biên lai thu số 0006330 ngày 24/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

[6] Các bên đương có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[7] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 146; Điều 224; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 2; Điều 37; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ các Điều 317; Điều 318; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Tường V về việc yêu cầu được ly hôn với Ông Phạm Kim T. Bà Nguyễn Thị Tường V được ly hôn với Ông Phạm Kim T.

2. Về con chung: Vợ chồng Bà V ông T thống nhất vợ chồng có 02 con tên là: Phạm Nguyễn Kim N, sinh ngày 20/8/2006 và Phạm Thị Mỹ D, sinh ngày: 10/02/2016.

3. Về nuôi con: Giao các cháu Phạm Nguyễn Kim N, sinh ngày: 20/8/2006 và Phạm Thị Mỹ D, sinh ngày: 10/02/2016 cho Bà V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ Nhân và Duyên đủ 18 tuổi, trưởng thành.

4 Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà V không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Toà án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu của Ông Phạm Kim T về việc chia tài sản chung của vợ chồng Bà V và ông T trong thời kỳ hôn nhân. Đương sự có quyền khởi kiện thành một vụ án khi có yêu cầu.

6. Về nợ chung: Buộc Bà Nguyễn Thị Tường V và Ông Phạm Kim T tiếp tục trả nợ gốc số tiền 743.500.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn

đồng) và lãi 1.283.301 đồng (Một triệu hai trăm tám mươi ba nghìn ba trăm lẻ một đồng) tính đến ngày 15/9/2023 cho Ngân hàng TMCP P – Chi nhánh Quảng Nam. Lãi suất được tính theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng.

Tài sản bảo đảm cho số tiền vay trên là quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất, tại: Khu phố Hồng Lư, phường H, thành phố T, tại giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất ở và sở hữu nhà ở số DC 013669 do Sở TN&MT tỉnh Quảng Nam cấp ngày 20/8/2021. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0182/2021/BĐ ngày 25/8/2021.

Ngân hàng TMCP P - Chi nhánh Quảng Nam có quyền yêu cầu kê biên tài sản bảo đảm nếu Bà V ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận.

7. Về cho mượn nợ: Bà V ông T thống nhất không cho ai mượn nợ nên không xét.

8. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm Bà Nguyễn Thị Tường V phải chịu số tiền: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được tính trừ vào số tiền: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà Bà V đã nộp theo biên lai thu số 0006330 ngày 24/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

9. Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND – VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA.DS huyện T;
- UBND xã B;
- Các bên đương sự, người liên quan
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký tên, đóng dấu)**

Đặng Phùng Thành